

Soạn Skills trang 51 - 52 - 53 - 54 Unit 5 Tiếng Anh lớp 10 mới

Reading trang 51 - 52 - 53 - 54 SGK Tiếng Anh 10 mới Unit 5

1. What can the animals or the leaves in the pictures do that people can't? Name some things people have invented to make up for what they cannot do. Discuss your ideas with a partner and then read the text. (Động vật hay loài cây trong ảnh có thể làm gì mà con người không thể làm? Kể tên những điều con người đã phát minh ra để bù đắp lại những điều họ không thể làm. Thảo luận ý kiến của bạn với một người bạn và đọc bài viết.)



Hướng dẫn dịch:

Con người thường dùng thế giới tự nhiên như một nguồn cảm hứng cho những phát minh của họ. Bằng cách quan sát động vật và cây cối, con người thiết kế những sản phẩm để phục vụ loài người. Đây là một vài ví dụ.

Động vật có thể làm nhiều điều mà con người không thể làm, như bay hay sống trong nước trong thời gian dài. Máy bay, với cánh và hình dạng mô phỏng của loài chim, là một trong những sáng chế vĩ đại nhất trong lịch sử của chúng ta. Nhờ vào nó, con người có thể những khoảng cách dài bằng đường hàng không. Điều này đã giúp phát triển thương mại và du lịch. Tàu ngầm, có thể chạy dưới nước, bắt chước hình dạng của cá heo. Tàu ngầm rất hữu ích cho các nhà khoa học nghiên cứu thế giới đại dương.

Cây cối xung quanh chúng ta cũng là những nguồn ý tưởng dồi dào cho những phát minh tuyệt diệu khác. Cửa sổ kính tự làm sạch và sợi vải được dùng làm ô đều được gợi ý tưởng bằng những chiếc lá sen mềm mại, với khả năng làm sạch chất bẩn trong mưa. Một sản phẩm khác là khóa dán. Loại khóa móc và vòng này được phát minh sau khi một kĩ sư người Thụy Sĩ quan sát cách những hạt giống bám chặt vào quần áo ông ấy. Sau đó ông làm 2 mảnh vải dính với nhau nhờ vào những cái móc trên bề mặt mảnh vải này và những cái vòng trên bề mặt mảnh vải kia. Kể từ đó, khóa dán dần trở nên quen thuộc dùng cho giày, áo khoác, thậm chí là đồ du hành vũ trụ.

Chắc chắn rằng thiên nhiên đã khơi nguồn cảm hứng cho rất nhiều sáng chế và công nghệ. Các nhà khoa học và phát minh đã cố để mô phỏng một vài thứ trong thiên nhiên với mong muốn tạo ra những công cụ và thiết bị tốt hơn, chắc chắn hơn và an toàn hơn cho cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

Picture a: A bird can fly. (Chim có thể bay.)

Picture b: A dolphin can swim and stay underwater for a long time. (Cá heo có thể bơi và sống lâu dưới nước.)

Picture c: A lotus leaf does not get wet. It washes water away (Lá sen không bị ướt. Nó làm nước trôi tuột đi.)

2. What is the most suitable title of the text?(Tiêu đề nào thích hợp nhất cho đoạn văn?)

b. Imitating Nature (Mô phỏng thiên nhiên)

3. Match the words with their meanings.(Nối các từ với nghĩa của chúng.)

1. b (inspire: tạo cảm hứng) 2. e (fastener: khóa) 3. a (fabric: vải)

4. c (hook: móc) 5. f (loop: vòng) 6. d (spacesuit: đồ du hành vũ trụ)

4. Answer the questions about the text.(Trả lời các câu hỏi về đoạn văn.)

Hướng dẫn dịch câu hỏi:

1. Những phát minh nào bắt chước động vật?

2. Những phát minh nào bắt chước thực vật?

3. Tại sao máy bay được cho là một trong những sáng chế vĩ đại nhất trong lịch sử loài người?
4. Cái gì có thể giúp các nhà khoa học nghiên cứu về thế giới đại dương?
5. Làm sao kính cửa sổ có thể tự làm sạch?
6. Tìm ra từ hoặc cụm từ tron bài viết có thể mô tả được cái máy bay, tàu ngầm và khóa dán.

1. The inventions that imitate animals are the aeroplane and the submarine. (Những phát minh mô phỏng động vật là máy bay và tàu ngầm.)

2. The inventions that imitate plants are Velcro, the self-cleaning glass window and umbrella fabric. (Những phát minh mô phỏng thực vật là miếng khóa dán, cửa sổ tự làm sạch và vải dù.)

3. The aeroplane is considered one of the greatest inventions in our history because it help us to travel long distances in the air and encouraged the development of tourism and trading. (Máy bay được xem là một trong những phát minh vĩ đại nhất trong lịch sử của chúng ta vì nó giúp di chuyển những quãng đường dài trên bầu trời và thúc đẩy sự phát triển du lịch và thương mại.)

4. A submarine can help scientists to learn about life under the sea. (Tàu ngầm có thể giúp các nhà khoa học nghiên cứu cuộc Sống dưới biển.)

5. The material that makes up the glass window has the ability to wash away the dirt in the rain. (Nguyên liệu tạo nên cửa sổ kính có khả năng gội sạch bụi bẩn khi trời mưa.)

6. An aeroplane: 'Its swing and shape imitating those of bird'. (Máy bay: "Đôi cánh và hình dạng của nó mô phỏng theo loài chim".)

A submarine: 'Imitate a dolphin's shape'. (Tàu ngầm: "Mô phỏng theo hình dạng của cá heo".)

The Velcro: 'Hook and loop fasteners'; 'Two fabrics sticking to gether thanks to the hooks on one surface and the loops on the other'. (Miếng khóa dán: "Miếng dán gồm phần gai và phần tơ; Hai miếng vải dính vào với nhau nhờ một miếng gai trên bề mặt và một miếng tơ ở mặt kia".)

5. Which of the four inventions mentioned in the text is the best imitation of nature? State your reasons.(Phát minh nào trong 4 phát minh được đề cập trong bài viết là sự mô phỏng hoàn hảo nhất của thiên nhiên. Nêu rõ lí do của bạn.)

▶▶ **CLICK NGAY** vào đường dẫn dưới đây để **TẢI VỀ** lời giải bài tập SGK Tiếng Anh mới Unit 5 lớp 10 Skills trang 51 - 52 - 53 - 54 sách mới, chi tiết, đầy đủ nhất file word, file pdf hoàn toàn miễn phí từ chúng tôi, hỗ trợ các em ôn luyện giải đề đạt hiệu quả nhất.

Speaking trang 51 - 52 - 53 - 54 SGK Tiếng Anh 10 mới Unit 5

1. Practise the conversation with a partner.(Tập luyện đoạn đối thoại với một người bạn.)

Hướng dẫn dịch:

Mai: Đó là máy gì vậy, John? Nó trông giống máy in nhưng hơi to hơn và nặng hơn.

John: Nó là máy in 3D. Tôi vừa mới mua nó.

Mai: Máy in 3D? Nó được sử dụng để làm gì?

John: À, nó dùng để tạo ra những vật thể tương tự như vật ban đầu.

Mai: Thật hả? Ví dụ?

John: Bạn có thể tạo ra những vật như một cái cốc, một cái muỗng hoặc thậm chí là một xe hơi đồ chơi.

Mai: Thú vị thật. Có nghĩa là mình có thể tạo ra những món đồ của chính mình và tiết kiệm rất nhiều tiền?

John: Đúng rồi.

2. Complete the table with the information about the invention mentioned in the conversation above.(Hoàn thành bảng với thông tin về phát minh được nhắc đến ở đoạn đối thoại trên.)

a. Name of invention	3-D printer
b. Characteristics	bigger and heavier than a normal printer
c. Use	to produce solid objects similar to the originals
d. Benefits	economical (saving lots of money)

3. Discuss two more inventions with a partner. Complete the table below with the phrases in the box. (Thảo luận về 2 phát minh nữa với một người bạn. Hoàn thành bảng sau với những cụm từ trong ô.)

- not costly
- easy to use
- easy to carry
- environmentally-friendly
- not dependent on electricity
- easy to transport files



a. Name of Invention	portable solar charger	USB stick
b. Characteristics	small, portable	small, portable
c. Use	charge mobile devices (mobile phones, cameras, and laptop)	store data (audio or video files)
d. Benefits	- - -	- - -

Portable solar charger: not dependent on electricity; environmentally-friendly; easy to carry, not costly

USB stick: not costly; easy to use; easy to transport files

4. Work with a partner. Choose one invention mentioned in 3 and make a similar conversation as in Activity. You can use the information in the table or your own ideas.(Làm việc với một người bạn. Chọn một phát minh được nhắc đến ở bài 3 và làm một đoạn đối thoại tương tự trong phần Hoạt động. Bạn có thể sử dụng thông tin của bảng hoặc ý tưởng của chính mình.)

Nam: What's that, Lan? It's look small and portable.

Lan: It is a USB stick. I've bought it.

Nam: USB stick? What it use for?

Lan: It use for storing data.

Hướng dẫn dịch:

Nam: Đó là gì vậy, Lan? Nó trông nhỏ và tiện mang theo nhỉ.

Lan: Nó là ổ USB. Tôi vừa mua nó.

Nam: Ổ USB? Nó được dùng để làm gì?

Lan: Nó dùng để chứa dữ liệu.

5. Work in groups. Choose one of the inventions below and prepare a talk to introduce it to other group members.(Làm việc theo nhóm. Chọn một trong những phát minh sau và chuẩn bị bài nói để giới thiệu về nó với thành viên các nhóm khác.)

Listening trang 51 - 52 - 53 - 54 SGK Tiếng Anh 10 mới Unit 5

1. Look at the picture and discuss with a partner what this flying car (or aerocar) can and cannot do.(Nhìn vào bức tranh và thảo luận với một người bạn xem chiếc xe bay này có thể và không thể làm gì.)



2. Listen to an interview with Mr Brown, a spectator at a test flight of a flying car. Tick the words or phrases that you hear. (Lắng nghe buổi phỏng vấn với ông Brown, một khán giả tại buổi bay thử của chiếc xe bay. Đánh dấu vào từ hoặc cụm từ mà bạn nghe được.)

Bài nghe:

traffic jams; collapse; garage; gallon; runway

Nội dung bài nghe:

Reporter: Excuse me; I'm from the ABC Discovery Channel. May I ask you a few questions?

Mr Brown: Sure.

Reporter: Your name is

Mr Brown: Eric Brown.

Reporter: Yes, Mr Brown. Why are you interested in this test flight in New York City?

Mr Brown: Well... I'm a businessman here in this city. You see... there are quite a lot of traffic jams during the rush hours. I guess owning a flying car like this might be a good idea.

Reporter: I see. What do you like about this car?

Mr Brown: It's not... not too big, just a little bit bigger than a normal car. So when its wings collapse, it fits quite well in any garage. Second, it doesn't use too much gas - just five gallons per hour in the air and one gallon per 50 km on the ground.

Reporter: How about its speed?

Mr Brown: It's OK. It can reach 120 km per hour on the ground and nearly 200 in the air.

Reporter: Anything you don't like about it, Mr Brown?

Mr Brown: Yes. It needs a runway. That's the biggest problem. What happens if it gets stuck in traffic and cannot take off?

Reporter: Yeah... Thank you very much for spending time with us...

Hướng dẫn dịch:

Phóng viên: Xin lỗi; Tôi đến từ kênh ABC Discovery Channel. Tôi có thể hỏi ông vài câu không?

Ông Brown: Chắc chắn rồi.

Phóng viên: Tên ông là

Ông Brown: Eric Brown.

Phóng viên: Vâng, ông Brown. Tại sao ông quan tâm đến chuyến bay thử nghiệm này ở Thành phố New York?

Ông Brown: Ừm ... Tôi là một doanh nhân ở đây trong thành phố này. Anh thấy đây ... có khá nhiều ùn tắc giao thông trong giờ cao điểm. Tôi đoán việc sở hữu một chiếc xe bay như thế này có thể là một ý tưởng hay.

Phóng viên: Tôi hiểu rồi. Ông thích gì về chiếc xe này?

Ông Brown: Nó không ... không quá lớn, chỉ lớn hơn một chút so với một chiếc xe bình thường. Vì vậy, khi đôi cánh của nó cụp xuống, nó vừa khá tốt với bất kỳ nhà để xe nào. Thứ hai, nó không sử dụng quá nhiều khí đốt - chỉ năm gallon mỗi giờ bay trong không khí và một gallon cho mỗi 50 km chạy trên mặt đất.

Phóng viên: Tốc độ của nó như thế nào?

Ông Brown: Không sao đâu. Nó có thể đạt 120 km mỗi giờ trên mặt đất và gần 200 km trong không khí.

Phóng viên: Ông có thích bất cứ thứ gì về nó, Ông Brown?

Ông Brown: Vâng. Nó cần một đường băng. Đó là vấn đề lớn nhất. Điều gì sẽ xảy ra nếu nó bị kẹt trong giao thông và không thể cất cánh?

Phóng viên: Vâng ... Cảm ơn rất nhiều vì đã dành thời gian cho chúng tôi ...

3. Listen and answer these questions.(Lắng nghe và trả lời các câu hỏi này.)

Bài nghe

1. Where is the test flight taking place? (Buổi bay thử diễn ra ở đâu?)

→ In New York City.

2. What does Mr Brown do? (Ông Brown làm nghề gì?)

→ He's a businessman.

3. Why is he interested in the test flight? (Tại sao ông lại quan tâm đến việc thử máy bay?)

→ He's considering owning a flying car to deal with the traffic problem.

4. What does Mr Brown like about the flying car? (Ông Brown thích gì ở chiếc xe bay?)

→ It's not too big, so it can be put in a garage.

5. What is the biggest problem with this flying car? (Vấn đề lớn nhất của chiếc xe bay này là gì?)

→ This flying car cannot take off without a runway

4. Listen again and complete the information about the flying car. Write one word or number in each gap. (Lắng nghe lại và hoàn thành thông tin về chiếc xe bay. Viết một từ hoặc một số trong mỗi khoảng trống.)

Bài nghe:

1. bigger

2. 5 (in the air); 1 (on the ground)

3. 200 (in the air); 120 (on the ground)

5. Do you want to own a flying car like Mr Brown? Why or why not? Is there a way to solve the problem with the car that Mr Brown discusses? (Bạn có muốn sở hữu một chiếc xe bay như ông Brown không? Tại sao? Có cách nào giải quyết vấn đề của chiếc xe bay mà ông Brown nói đến không?)

Writing trang 51 - 52 - 53 - 54 SGK Tiếng Anh 10 mới Unit 5

1. Which of these audio devices do you have or want to have? Discuss with a partner. (Thiết bị âm thanh nào bạn sở hữu và muốn sở hữu? Thảo luận với một người bạn.)



2. The following text is about earbuds and their three benefits. Below it are the details supporting each benefit. Put the details in the appropriate gaps. (Bài viết dưới đây là về tai nghe nút lỗ và 3 lợi ích của chúng. Bên dưới là những chi tiết làm rõ cho từng ích lợi. Xếp các chi tiết vào các chỗ trống phù hợp.)

1. c 2. a 3. b

Hướng dẫn dịch:

Hầu hết các bạn trẻ đều có một cặp tai nghe mang theo bên mình khi ra ngoài. Khi được kết nối với máy nghe nhạc di động hoặc điện thoại di động, tai nghe sẽ giúp bạn nghe nhạc hoặc các bài học bằng âm thanh. Lợi ích của chúng là gì?

Đầu tiên, tai nghe nhỏ và nhẹ vì vậy nó có thể mang theo dễ dàng.

Tai nghe không to lớn, kèn càng. Bạn có thể bỏ chúng trong cặp của bạn hoặc thậm chí là trong túi bạn.

Thứ hai, tai nghe không quá đắt. Chúng không đắt tiền như một bộ loa. Với khoảng 100.000 VND, bạn đã có thể sở hữu một cặp. Dĩ nhiên là bạn sẽ phải tốn nhiều hơn cho những cái chất lượng cao hơn.

Cuối cùng, bạn có thể sử dụng tai nghe để nghe nhạc hoặc các bài học nghe của bạn ở bất cứ đâu, thậm chí ở nơi công cộng. Chỉ có bạn có thể nghe âm thanh từ máy nghe nhạc hoặc điện thoại của bạn. Không ai bị làm phiền.

3. Complete the following outline for the paragraph on earbuds in 2.(Hoàn thành dàn ý dưới đây cho đoạn văn ở bài 2.)

a. Topic: The benefits of earbuds

b. Thesis sentence (Topic sentence): What are its benefits?

c. Supporting idea 1 and further explanation: small, light, portable → put in a bag or pocket

Supporting idea 2 and further explanation: not costly → about 100,000 VND

Supporting idea 3 and further explanation: used anywhere → will not disturb anybody

Hướng dẫn dịch:

a. Chủ đề: Lợi ích của tai nghe

b. Câu đề: Lợi ích của chúng là gì?

c. Ý hỗ trợ 1 và các giải thích mở rộng: nhỏ, nhẹ, di động → bỏ trong cặp hoặc túi

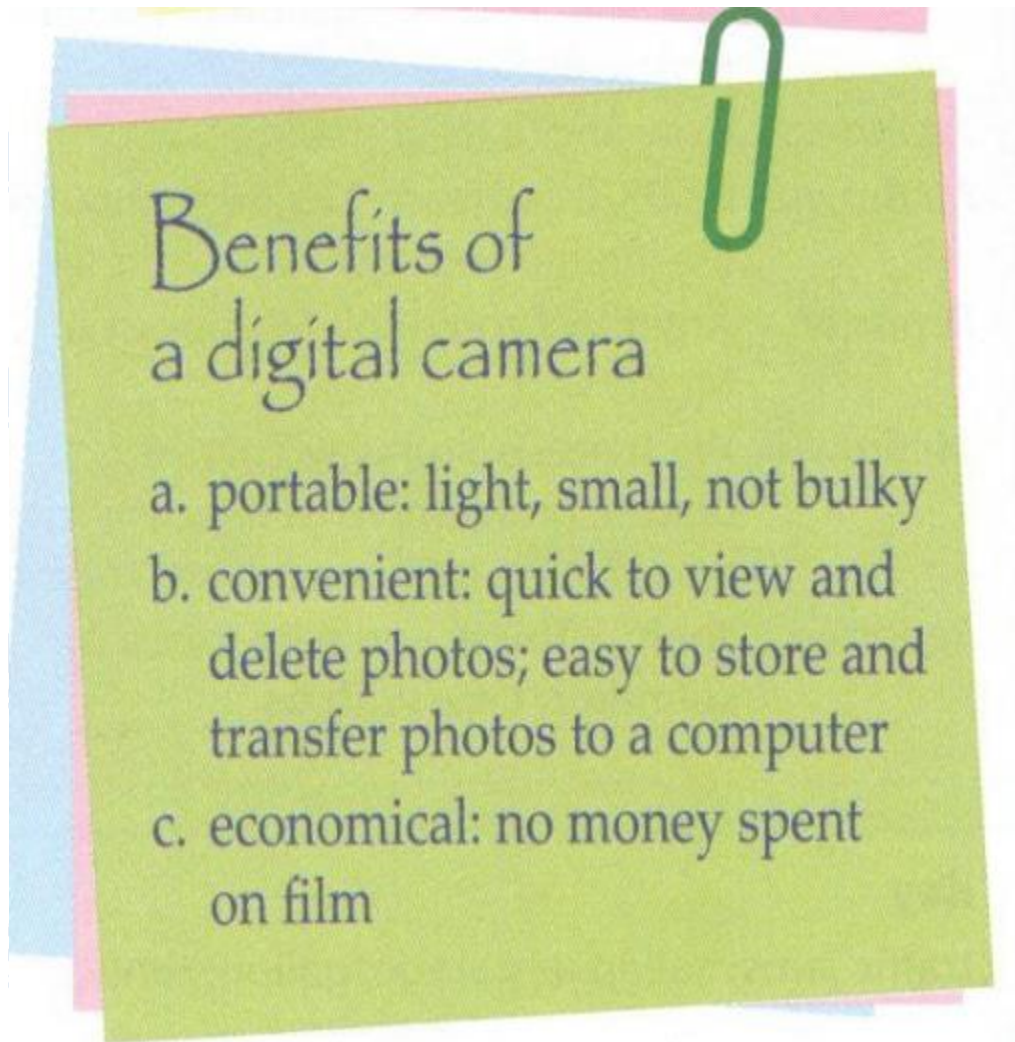
Ý hỗ trợ 2 và các giải thích mở rộng: không đắt lắm → khoảng 100.000 đồng

Ý hỗ trợ 3 và các giải thích mở rộng: sử dụng ở mọi nơi, → sẽ không làm phiền ai

4. Choose one invention and write a similar paragraph about its benefits.(Chọn một phát minh và viết một đoạn văn tương tự về ích lợi của nó.)

Benefits of a smartphone

- a. for communication: make phone calls,
send & receive messages
- b. for entertainment: listen to music,
play games
- c. for information: surf the Web,
use maps to look for places



Nowadays, most people have a smartphone (even two) with them. We can use it to listen to music, surf the Web, play games... What are their benefits?

First, anyway it is a phone, so it is used to communication. You can use it to make phone calls, send & receive messages as a normal phone.

Second, it also has functions as a game machine or a media player. It means that you can play games or listen to music on it.

Finally, you can use it to surf the Web and use maps to look for places. It's really useful when you need information right now or when you are lost.

Hướng dẫn dịch:

Ngày nay, hầu hết mọi người đều có điện thoại thông minh (thậm chí là 2 cái) bên mình. Chúng ta có thể sử dụng nó để nghe nhạc, lướt Web, chơi game... Các lợi ích của chúng là gì ?

Đầu tiên, dù gì đi nữa thì nó cũng là một chiếc điện thoại nên nó được dùng để giao tiếp. Bạn có thể sử dụng nó để gọi điện, gửi và nhận tin nhắn như một chiếc điện thoại thông thường.

Thứ hai, nó cũng mang các chức năng của một máy chơi game hoặc một máy nghe nhạc. Điều này có nghĩa là bạn có thể chơi game hoặc nghe nhạc trên đó.

Cuối cùng, bạn có thể sử dụng nó để lướt Web và sử dụng bản đồ để tìm kiếm địa điểm. Điều này thật sự hữu ích khi bạn cần thông tin ngay lúc đó hoặc khi bạn bị lạc đường.